

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **245/2021/HS-ST**

Ngày: 23-12-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lệ Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Sơn;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Hoàng Anh – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường tổ dân phố N, phường D, thành phố Đ , tỉnh Lâm Đồng, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 130/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2021/HSST- QĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021; số 142/2021/HSST- QĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021, số 154/2021/HSST- QĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 và số 165/2021/HSST- QĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu K**, tên thường gọi khác: **X**; sinh ngày 19 tháng 4 năm 1988; nơi sinh: Ninh Thuận; nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1962; vợ: Hứa Thị T, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2013; tiền sự: không; Tiền án: Bản án số 100/2017/HS-PT ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo chưa thi hành phần án phí; Nhân thân: Bản án số 35/2021/HS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 15 tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày 30/12/2020 về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo hiện đang chấp hành bản án trên tại Trại Giam A2 - Bộ Công an. (Có mặt)

**- Bị hại:**

1. Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1990; nơi thường trú: Thôn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nơi tạm trú: Khu phố N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; (*Vắng mặt*)

2. Anh Lê Long H, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (*Có mặt*)

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. (*Vắng mặt*)

- *Người làm chứng*: bà Nguyễn Thị Thu T. (*Vắng mặt*)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu K đã có 01 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích. Để có tiền tiêu xài, K đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người dân trên địa bàn thành phố Đ, cụ thể như sau:

*Lần 1*: Khoảng 05 giờ sáng ngày 29/8/2020, K đi đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng để thăm người thân, khi đi đến phòng 312 của Khoa Nhi, thấy cửa phòng khép hờ nên K đã đẩy cửa nhìn vào và phát hiện mọi người trong phòng còn đang ngủ, trên đầu giường bên phải sát cửa ra vào có để 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung J4 màu tím của anh Nguyễn Ngọc Đ đang sạc pin. K dùng tay trái rút chiếc điện thoại ra khỏi dây sạc cầm đi thì bị anh Đ phát hiện, K cầm theo điện thoại bỏ chạy đến cầu thang thì bị người dân bắt giữ giao cho Cơ quan Công an. Tại Kết luận định giá tài sản số 218/KL-ĐG ngày 24/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định: 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J4 màu tím của anh Nguyễn Ngọc Đ bị chiếm đoạt có trị giá là 1.200.000 (*một triệu hai trăm nghìn*) đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại trên cho anh Đ, anh Đ không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

*Lần 2*: Khoảng tháng 10/2020, K đi ngang qua quán Internet C tại địa chỉ 8/17B đường V, Phường H, thành phố Đ thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Blade màu đen, biển số 49E1- 746... của anh Lê Long H để quên chìa khóa trên xe nên K nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này nhưng do thấy đông người nên K rút chìa khóa cất vào trong người rồi bỏ đi. Đến ngày 17/11/2020, K rủ thêm đối tượng tên H1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô chở K từ xã T đến quán Internet C tại địa chỉ 8/17B đường V, Phường H, thành phố Đ nói trên xem có còn chiếc xe mô tô mà K đã lấy trộm chìa khóa trên hay không, nếu có thì sẽ trộm cắp chiếc xe này. Khi đến nơi thì K và H1 nhìn thấy chiếc xe mô tô hiệu Honda Blade màu đen biển số 49E1-746... nói trên của anh H vẫn đang dựng trước quán không có người trông coi, K liền xuống xe ở ngã ba gần quán Internet C, còn H1 điều khiển xe đi trước. Sau đó, K đi bộ đến vị trí chiếc xe, lấy chìa khóa có sẵn mở khóa xe, dắt chiếc xe đi một đoạn rồi lên xe nổ máy chạy về xã T, thành phố Đ. K mở cốp xe ra kiểm tra thấy có Giấy đăng ký xe mang tên Lê Long H, sau đó K và H1 đem chiếc xe vừa trộm cắp được đến bán cho anh Nguyễn

Hữu P với số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền này K chia cho H1 3.000.000 đồng, K giữ lại 7.000.000 đồng và đã tiêu xài hết. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt không thu hồi được chiếc xe trộm cắp nói trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 29/KL-ĐG ngày 03/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Lạt xác định: 01 xe mô tô hiệu Honda Blade màu đen biển số: 49E1-746..., số máy: JA36E0738047, số khung: 3640KY005524 của anh Lê Long H bị chiếm đoạt trị giá là 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng. Anh H yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh số tiền 17.000.000 đồng.

Cáo trạng số 130/CT-VKS ngày 25/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Hữu K về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà,

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị hại anh Lê Long H trình bày thống nhất với lời khai của bị cáo. Anh H yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo K đồng ý bồi thường cho anh H số tiền nói trên. Anh H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo: giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo K về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng số 130/CT-VKS ngày 25/5/2021. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- *Về hình phạt*: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 56 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K từ 24 - 30 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 15 tháng tù của Bản án số 35/2021/HS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Đề nghị công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và bị hại anh H: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu K có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Long H số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Bị cáo, bị hại anh H không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại anh Đ và người liên quan anh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về căn cứ kết tội bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Nguyễn Hữu K là đối tượng đã có tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*”, để có tiền tiêu xài bị cáo tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể: khoảng 05 giờ sáng ngày 29/8/2020, tại phòng 312 khoa nhi của Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng, bị cáo K đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp của anh Nguyễn Ngọc Đ 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J4 màu tím trị giá 1.200.000 (*một triệu hai trăm nghìn*) đồng. Đến ngày 17/11/2020, tại địa chỉ 8/17B đường V, Phường H, thành phố Đ, bị cáo K tiếp tục thực hiện hành vi lén lút trộm cắp của anh Lê Long H 01 xe mô tô hiệu Honda Blade màu đen biển số: 49E1-746... trị giá 17.000.000 (*mười bảy triệu*) đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo K chiếm đoạt của 02 bị hại là 18.200.000 (*mười tám triệu hai trăm nghìn*) đồng. Hành vi của bị cáo K thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo phạm tội 2 lần và thuộc trường hợp tái phạm nên áp dụng điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, được bị hại anh H xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5]. Về quyết định hình phạt: Xét thấy bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã có tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, tìm kiếm việc làm chân chính để kiếm thu nhập cho bản thân, sửa chữa sai lầm, rèn luyện bản thân, để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội mà chỉ vì tư lợi bản thân, bị cáo lại tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản

của người khác, bản thân bị cáo còn có nhân thân xấu, bị Toà án nhân dân huyện L xử phạt cũng về tội “*Trộm cắp tài sản*” về hành vi bị cáo thực hiện sau lần phạm tội này, điều này đã thể hiện thái độ bất chấp pháp luật của bị cáo. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần xử phạt bị cáo hình phạt thật nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Trong vụ án này có người tên H1 là người cùng với bị cáo K thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu Honda Blade của anh Lê Long H mang đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Hiện Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch của H1 nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ và xử lý sau là đúng quy định.

[8]. Đối với anh Nguyễn Hữu P là người đã mua chiếc xe mô tô hiệu Honda Blade màu đen biển số 49E1-746...của K. Quá trình điều tra xác định khi mua xe, anh P không biết đây là tài sản do K trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý đối với anh P là đúng quy định.

[9]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Đ đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xem xét.

Tại phiên toà, bị hại anh H yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mà bị cáo chiếm đoạt tương ứng số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo K đồng ý bồi thường cho anh H số tiền trên. Xét thấy sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận, bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh H số tiền 10.000.000 đồng.

[10]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J4 màu tím cho bị hại anh Nguyễn Ngọc Đ là đúng quy định.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Nguyễn Hữu K30 (*ba mươi*) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 15 (*mười lăm*) tháng tù của Bản án số 35/2021/HS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng, buộc bị cáo Nguyễn Hữu K chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 45 (*bốn mươi lăm*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 30/12/2020.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự:

Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và bị hại anh Lê Long H: Bị cáo Nguyễn Hữu K có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Long H số tiền 10.000.000 (*mười triệu*) đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại anh H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Đ và người liên quan anh P vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự** thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(*Đã ký và đóng dấu*)

**Lê Thị Lệ Quyên**